

Tại ngày 30/04/2026

Chiến lược đầu tư:

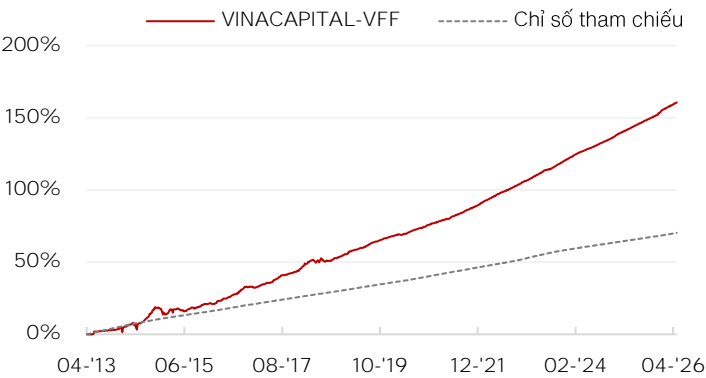
- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.
- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.
- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

**Hiệu suất đầu tư của quỹ**

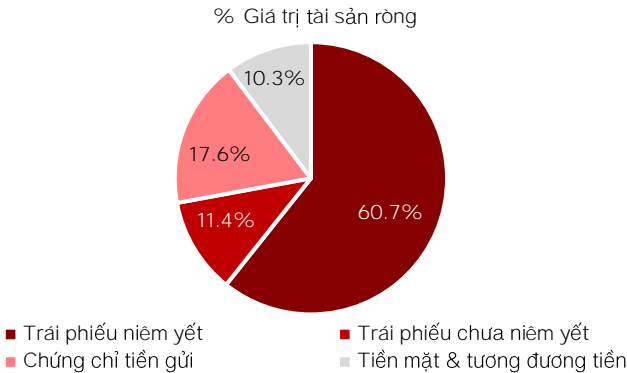
Lợi nhuận (LN)	VINACAPITAL-VFF	Chỉ số tham chiếu
LN tháng 04/2026 (%)	0.6	0.5
LN từ đầu năm 2026 (%)	2.1	1.8
LN kép trung bình 3 năm (%/năm)	7.1	4.8
LN kép trung bình 5 năm (%/năm)	7.6	4.9
LN kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	7.6	4.2
LN từ ngày thành lập (%)	160.8	70.3

Chỉ số tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

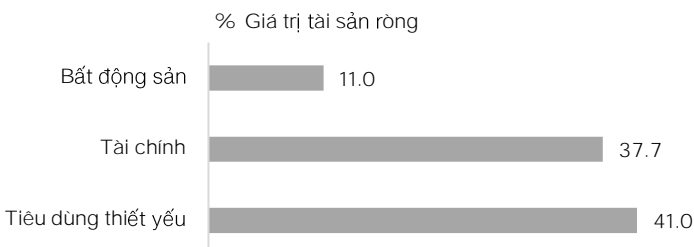
**Lợi nhuận đầu tư từ ngày thành lập**



**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ theo ngành**



**Cập nhật kinh tế vĩ mô**

Lạm phát tại Việt Nam tăng từ 3% trước xung đột lên 5% trong tháng 3 và 5,5% so với cùng kỳ trong tháng 4 – mức cao nhất trong sáu năm trở lại – chủ yếu do giá dầu Brent tăng hơn 60% từ đầu năm. Dù Chính phủ triển khai trợ cấp xăng dầu trên 20% để kiểm chế lạm phát trong tháng 3, đà tăng tháng 4 phản ánh ảnh hưởng gián tiếp từ các mặt hàng chưa được trợ giá như dầu diesel. Nguyên nhân khác ảnh hưởng đến lạm phát trong tháng 4 bao gồm áp lực giá thuê nhà ở tăng mạnh vì các nguyên nhân kinh tế ngoài xung đột.

Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng đã tăng gần 120 điểm cơ bản trong năm tháng tính đến tháng 3, hiện ổn định quanh 7-8%/năm. Nguyên nhân đến từ việc tín dụng tăng nhanh hơn tiền gửi khoảng 5% trong năm 2025, nhưng cơ chế tự điều chỉnh đang phát huy tác dụng: chênh lệch này đã thu hẹp xuống còn 2% tính từ đầu năm khi nhu cầu vay giảm và tiền gửi phục hồi. Lãi suất có khả năng vẫn neo cao trong các tháng tới do áp lực lạm phát chưa hạ nhiệt.

Tỷ giá USD/VND gần như đi ngang trong tháng 4 và ổn định so với đầu năm, được hỗ trợ bởi DXY giảm 0,6% và mặt bằng lãi suất VND cao hơn. Đáng chú ý, cả kinh tế toàn cầu lẫn Việt Nam đều cho thấy sức chống chịu tốt hơn kỳ vọng trước các gián đoạn từ việc đóng cửa Eo biển Hormuz.

# Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bảo Thịnh VinaCapital

(VINACAPITAL-VFF)



Tại ngày 30/04/2026

## Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
MSN	Tập đoàn Masan	21.2	8.8	1.6
BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	12.1	9.9	2.2
DSE	Chứng khoán DNSE	11.5	8.4	1.2
SHB	Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội	8.6	6.6	4.6
MML	Masan Meatlife	7.4	7.1	0.3

## Chỉ số danh mục

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	1.3
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7.9

## Thông tin quỹ

Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,275.2
Giá trị tài sản ròng/CCQ(VNĐ)	26,079.1
Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% <= 24 tháng 0% > 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần
Chỉ số tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng TMCP nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

## Thông tin liên hệ

### Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Lầu 17, Tòa nhà Sunwah

115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

Bộ phận Quan hệ Nhà Đầu Tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)

Tel: +84 28 38 27 85 35

## Lợi nhuận hằng tháng

	Tháng 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	LN từ đầu năm
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.8%	6.9%
2025	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	1.2%	7.1%
2026	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%									2.1%

**Thông tin quan trọng:** Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc để nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.

## Cập nhật thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tháng 04/2026 ghi nhận 19 đợt phát hành với tổng giá trị gần 49,8 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng chỉ 2% so với cùng kỳ năm 2025. Thị trường phát hành riêng lẻ ghi nhận 18 đợt phát hành với tổng giá trị 48,8 nghìn tỷ đồng, tập trung vào hai nhóm ngành Bất động sản (30,4 nghìn tỷ đồng) và Ngân hàng (16,2 nghìn tỷ đồng). Lãi suất phát hành bình quân của nhóm Bất động sản là 9,4%, dao động từ 5,8% đến 12,5%; trong khi lãi suất phát hành bình quân của nhóm Ngân hàng là 8,5%, dao động từ 8,0% đến 9,0%. Đáng chú ý, mức lãi suất bình quân 9,4% của nhóm Bất động sản chịu tác động lớn từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi trên thị trường quốc tế của Vingroup, khi doanh nghiệp này huy động hơn 9,2 nghìn tỷ đồng với lãi suất chỉ 5,8%. Nếu loại trừ đợt phát hành này, lãi suất phát hành bình quân của nhóm Bất động sản đạt mức 10,9%. Thị trường phát hành công chúng chỉ ghi nhận 1 đợt phát hành từ TCX, huy động 1,0 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 2 năm, lãi suất phát hành 8,0%.